TỔNG MB QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỈ LỆ 1/500 MỞ RỘNG NGHĨA ĐỊA DẠ CÁ
XÃ XUÂN HỒNG - HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HÓA
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

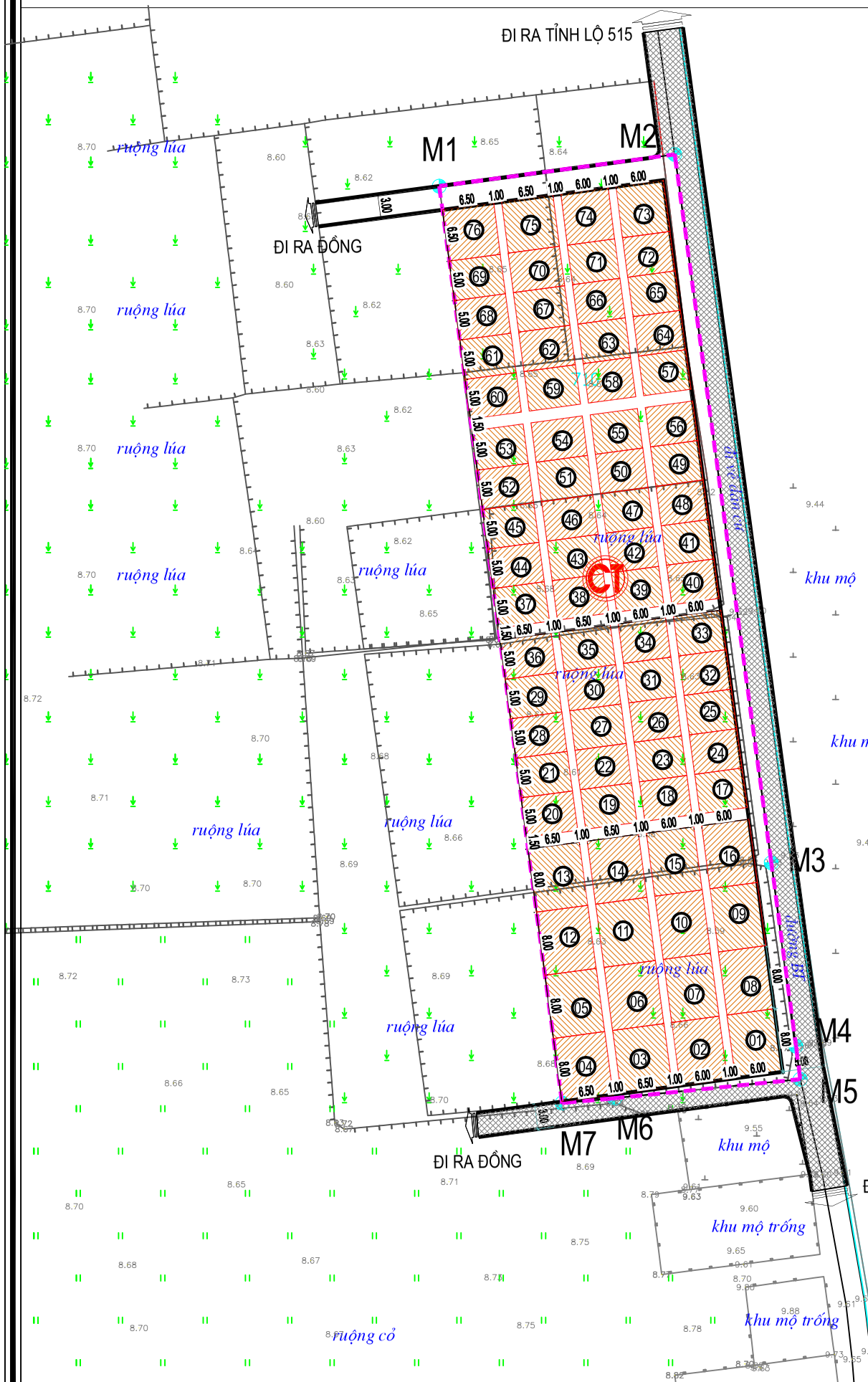

CHI TIẾT MỘ CÁT TÁNG ĐIỂN HÌNH

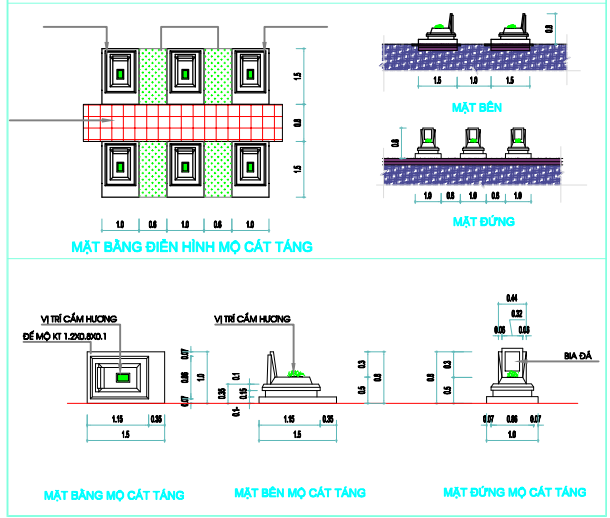

Bảng thống kê toạ độ mốc giới hạn quy hoạch

STT	Điểm	Hệ toạ độ VN 2000	
		X	Y
1	M1	557874,708	2204396,458
2	M2	557904,297	2204400,442
3	M3	557916,428	2204311,476
4	M4	557919,529	2204288,457
5	M5	557920,063	2204284,296
6	M6	557896,745	2204281,916
7	M7	557890,139	2204281,297

STT	TÊN MỘ PHẦN	DIỆN TÍCH (M2)	SỐ LÔ	GHI CHÚ
	CÁT TÁNG	2675,0	76	Kích thước
1	CT: 01	48		8,0x6,0
2	CT: 02	48		
3	CT: 03	52		8,0x6,5
4	CT: 04	52		
5	CT: 05	52		
6	CT: 06	52		
7	CT: 07	48		8,0x6,0
8	CT: 08	48		
9	CT: 09	48		
10	CT: 10	48		
11	CT: 11	52,0		8,0x6,5
12	CT: 12	52,0		
13	CT: 13	52,0		
14	CT: 14	52,0		
15	CT: 15	48		8,0x6,0
16	CT: 16	48		
17	CT: 17	30		6,0x5,0
18	CT: 18	30		
19	CT: 19	32,5		6,5x5,0
20	CT: 20	32,5		
21	CT: 21	32,5		
22	CT: 22	32,5		
23	CT: 23	30		6,0x5,0
24	CT: 24	30		
25	CT: 25	30		
26	CT: 26	30		
27	CT: 27	32,5		6,5x5,0
28	CT: 28	32,5		
29	CT: 29	32,5		
30	CT: 30	32,5		
31	CT: 31	30,0		6,0x5,0
32	CT: 32	30,0		
33	CT: 33	30,0		
34	CT: 34	30,0		
35	CT: 35	32,5		6,5x5,0
36	CT: 36	32,5		
37	CT: 37	32,5		
38	CT: 38	32,5		
39	CT: 39	30		6,0x5,0
40	CT: 40	30		
41	CT: 41	30		
42	CT: 42	30		
43	CT: 43	32,5		6,5x5,0
44	CT: 44	32,5		
45	CT: 45	32,5		
46	CT: 46	32,5		
47	CT: 47	30		6,0x5,0
48	CT: 48	30		
49	CT: 49	30		
50	CT: 50	30		
51	CT: 51	32,5		6,5x5,0
52	CT: 52	32,5		
53	CT: 53	32,5		
54	CT: 54	32,5		
55	CT: 55	30		6,0x5,0
56	CT: 56	30		
57	CT: 57	30		
58	CT: 58	30		
59	CT: 59	32,5		6,5x5,0
60	CT: 60	32,5		
61	CT: 61	32,5		
62	CT: 62	32,5		
63	CT: 63	30		6,0x5,0
64	CT: 64	30		
65	CT: 65	30		
66	CT: 66	30		
67	CT: 67	32,5		6,5x5,0
68	CT: 68	32,5		
69	CT: 69	32,5		
70	CT: 70	32,5		
71	CT: 71	30		6,0x5,0
72	CT: 72	30		
73	CT: 73	30		
74	CT: 74	30		
75	CT: 75	32,5		6,5x5,0
76	CT: 76	32,5		
TỔNG CỘNG		2675,0	76	

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Hạng mục công trình	Kí hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
I	**Đất nghĩa địa**		**2675,0**	**76,43**
1,1	khu đất cát táng (từ lô 1 đến lô 76)	CT	2675,0	
II	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**HTKT**	**825,0**	**23,57**
Tổng diện tích quy hoạch (I+II)			**3500,0**	**100,00**

SƠ ĐỒ CHI TIẾT MỘ CÁT TÁNG

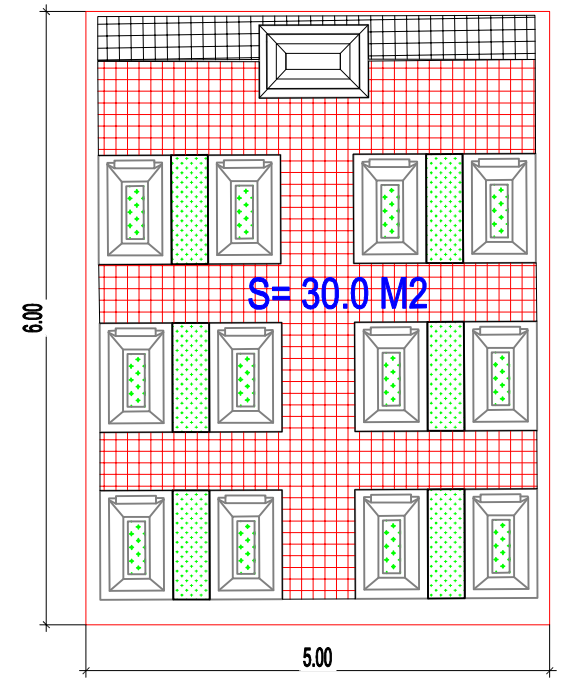

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND HUYỆN THỌ XUÂN
Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG KT & HT HUYỆN THỌ XUÂN
Kèm theo Công văn thẩm định số:. /TĐ-KTHT ngày tháng năm 2024

CHỦ ĐẦU TƯ: UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ XUÂN HỒNG
Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2024

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

TỔNG MB QUY HOẠCH XÂY DỰNG CHI TIẾT TỈ LỆ 1/500 MỞ RỘNG NGHĨA ĐỊA DẠ CÁ
XÃ XUÂN HỒNG - HUYỆN THỌ XUÂN - TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ: **SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN**

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: A2	TỶ LỆ : 1/500	THÁNG: /2024
THỂ HIỆN THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THẾ SƠN		
CHỦ NHIỆM TRƯỞNG PHÒNG	KTS. LÃ MẠNH HOÀNG		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS. ĐẶNG BẢO TRỊ		
GIÁM ĐỐC	TRỊNH NHƯ THẮNG		

LOGO

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẤT ĐAI
HOÀ THẮNG